

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư
và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1052/TTr-SXD ngày 21 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và thay thế Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái, Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Yên Bái, Đài PTTH tỉnh;
- Phó CVP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, XD. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Trần Huy Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH YÊN BÁI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về Quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái

(Kèm theo Quyết định số 10 /2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

2. Những nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng không có trong Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Chương II
QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Điều 3. Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công

1. Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị căn cứ nhu cầu đầu tư của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình lập danh mục dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho phép lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A sử dụng vốn đầu tư công do địa phương quản lý;

b) Các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị căn cứ nhu cầu đầu tư của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình lập danh mục dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho phép lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (dự án nhóm B, nhóm C) đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn đầu tư công do cấp huyện quản lý, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã cho phép lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn đầu tư công do cấp xã quản lý, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

2. Thẩm định nội bộ chủ trương đầu tư:

a) Thẩm định nội bộ là thẩm định để hoàn thiện hồ sơ, báo cáo trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền hoặc Hội đồng thẩm định để thẩm định chủ trương đầu tư làm căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án; để thẩm định chương trình, dự án làm căn cứ quyết định hoặc quyết định điều chỉnh chương trình, dự án. Thẩm định nội bộ bao gồm thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

b) Các cơ quan được giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội bộ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trước khi trình cấp thẩm quyền thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư hoặc thẩm định, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

3. Thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư:

a) Đối với dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định do Chủ tịch hoặc một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng; Sở Kế hoạch và Đầu tư là Thường trực Hội đồng thẩm định và các cơ quan liên quan là thành viên để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

b) Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công do cấp tỉnh quản lý, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương:

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án nhóm B;

- Đối với dự án nhóm C, thẩm quyền quyết định theo phân cấp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn đầu tư công do cấp huyện quản lý, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

d) Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn đầu tư công do cấp xã quản lý, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: Giao Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập; trưởng Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kiêm nhiệm, các thành viên khác là công chức xã kiêm nhiệm.

đ) Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án:

- Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án là một nội dung trong trong thẩm định chủ trương đầu tư;

- Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;

- Phạm vi thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: Dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý trong phạm vi tổng số vốn đầu tư công trung hạn được Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền thông báo cho giai đoạn sau, tổng mức vốn đầu tư công trung hạn được Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp quyết định cho địa phương và số vượt thu thực tế của ngân sách địa phương (nếu có) dành cho đầu tư phát triển, trừ dự án quy định tại Khoản 2, Điều 33 Luật Đầu tư công năm 2019.

4. Điều chỉnh chủ trương đầu tư:

a) Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Đầu tư công năm 2019; Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Các trường hợp phải quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư:

- Trường hợp dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa quyết định đầu tư, nếu có thay đổi nội dung của quyết định chủ trương đầu tư thì phải thực hiện việc điều chỉnh chủ trương đầu tư;

- Trường hợp dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, đang trong quá trình thực hiện, việc điều chỉnh dự án làm tăng tổng mức đầu tư dự án lớn hơn tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự án.

5. Các nhiệm vụ, dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư:

a) Các nhiệm vụ, dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm: Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; Nhiệm vụ quy hoạch; Dự án đầu tư công khẩn cấp; Dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia; Dự án thành phần thuộc dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; các dự án sử dụng 100% nguồn vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước;

b) Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc cấp tỉnh quản lý: Các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị căn cứ nhu cầu đầu tư của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị mình lập danh mục nhiệm vụ, dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc tổ chức triển khai thực hiện;

c) Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc cấp huyện quản lý: Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc tổ chức triển khai thực hiện;

d) Đối với các nhiệm vụ, dự án thuộc cấp xã quản lý: Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 4. Quy định về dự án sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương dùng để sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, công trình xây dựng

1. Đối với dự án sử dụng hỗn hợp nguồn vốn chi đầu tư và chi thường xuyên thì thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công năm 2019 và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với dự án sử dụng toàn bộ nguồn vốn chi thường xuyên thì thực hiện theo quy định như sau:

a) Lập danh mục chuẩn bị dự án:

Hàng năm, để chuẩn bị cho năm kế hoạch tiếp theo, căn cứ hiện trạng và mức độ xuống cấp của công trình, trên cơ sở thông báo nguồn vốn của Sở Tài chính (đối với dự án sử dụng ngân sách tỉnh) hoặc Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện (đối với dự án sử dụng ngân sách cấp huyện, cấp xã); đơn vị quản lý, sử dụng công trình rà soát, đề xuất danh mục dự án sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, mua sắm cơ sở vật chất gửi cơ quan chủ quản (nếu có) tổng hợp; gửi cơ quan Tài chính cùng cấp trước ngày 30/6 để kiểm tra; trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, phê duyệt. Trường hợp cần thiết đề xuất dự án sau ngày 30/6, các đơn vị có trách nhiệm báo cáo rõ sự cần thiết, gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để kiểm tra, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

Nội dung văn bản đề xuất danh mục đầu tư của các đơn vị bao gồm các nội dung khái quát về hiện trạng, mức độ xuống cấp của công trình; dự kiến quy mô đầu tư; đề xuất đơn vị chủ đầu tư; sơ bộ tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư; dự kiến tiến độ triển khai thực hiện dự án; khái toán kinh phí chuẩn bị dự án và các nội dung khác có liên quan.

b) Lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án:

Chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án có trách nhiệm lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án. Các dự án khi triển khai thực hiện phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, trừ các dự án nâng cấp, sửa chữa, bảo trì công trình thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng thì không phải lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư, chỉ cần lập danh mục chuẩn bị dự án.

c) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án: Thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019 và quy định tại Điều 3 của Quy định này.

d) Lập, thẩm định và phê duyệt dự án:

- Việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án được thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020, Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Quy định này;

- Đối với các dự án sửa chữa, bảo trì công trình thuộc nhiệm vụ chỉ thường xuyên, thủ tục lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí; lập, thẩm định và phê duyệt dự án được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất; Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối với dự án nhóm A: Do Hội đồng thẩm định của tỉnh tổ chức thẩm định; Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và là Thường trực Hội đồng thẩm định dự án;

b) Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức thẩm định dự án.

2. Đối với các dự án Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định dự án.

3. Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn do cấp huyện quản lý (bao gồm vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư): Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định dự án.

4. Đối với các dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn do cấp xã quản lý bao gồm vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư): Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã tổ chức thẩm định dự án.

Điều 6. Thẩm định dự án có cấu phần xây dựng

1. Thẩm định của người quyết định đầu tư:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan chủ trì thẩm định đối với các dự án người quyết định đầu tư là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định đối với các dự án người quyết định đầu tư là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Đối với các dự án người quyết định đầu tư là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã được giao Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã hoặc tổ chức, cá nhân có chuyên môn phù hợp với tính chất và nội dung dự án chủ trì thẩm định.

2. Thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng:

Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh thẩm định đối với các dự án đầu tư xây dựng quy định tại Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

1. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công:

a) Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án thực hiện theo quy định tại Điều 35 Luật Đầu tư công năm 2019;

b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có mức hỗ trợ từ ngân sách cấp trên dưới 5 tỷ đồng do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện hoặc đơn vị cấp dưới trực tiếp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng của doanh nghiệp có sử dụng vốn đầu tư của nhà nước: Thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

3. Đối với dự án PPP: Thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 60 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, trừ dự án quy định tại khoản 2 Điều này và đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác: Thẩm quyền quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 60 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

Điều 8. Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án đối với dự án không có cấu phần xây dựng

1. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở quản lý chuyên ngành tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt thiết

kế, dự toán dự án đối với dự án thiết kế một bước. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án đối với dự án thiết kế một bước. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước trên cơ sở kết quả thẩm định của Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

3. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt thiết kế, dự toán dự án đối với dự án thiết kế một bước. Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán đối với trường hợp thiết kế hai bước trên cơ sở kết quả thẩm định của Bộ phận quản lý đầu tư công cấp xã.

Điều 9. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công khẩn cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp thuộc cấp mình quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Giao cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị có chức năng tổ chức khảo sát, lập báo cáo đề xuất dự án;

b) Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 130 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 và Điều 58 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp việc thực hiện dự án đầu tư công khẩn cấp tại kỳ họp gần nhất.

Điều 10. Quản lý dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư

1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Thẩm quyền thẩm định dự án:

a) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp: Thẩm quyền thẩm định dự án theo như quy định tại Điều 5 và Điều 6 Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan;

b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình phù hợp với chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định; tổ chức thẩm định dự án đầu tư và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định của mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Điều 11. Quản lý, thực hiện đầu tư đối với dự án sử dụng 100% nguồn vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước

1. Đối với các dự án sử dụng 100% nguồn vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước do các cơ quan cấp tỉnh hoặc cơ quan cấp dưới trực tiếp của các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, quản lý: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối với các dự án sử dụng 100% nguồn vốn huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước do các cơ quan cấp huyện hoặc cơ quan cấp dưới trực tiếp của các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận, quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan đầu mối, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

3. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán: Thực hiện theo quy định hiện hành, áp dụng với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

Điều 12. Điều chỉnh dự án

1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án được quyền quyết định điều chỉnh dự án trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Đầu tư công năm 2019 và Điều 61 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 và điểm c khoản 64 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

2. Chủ đầu tư dự án phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm dẫn đến việc điều chỉnh dự án để trình cấp thẩm quyền xem xét, thẩm định.

3. Về lập hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư công nhóm A, B, C: Đơn vị Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án đầu tư công đến thời điểm đề xuất điều chỉnh; gửi báo cáo kết quả đánh giá dự án đầu tư công đến cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư;

b) Chuẩn bị báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án đầu tư công. Báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án đầu tư công phải nêu rõ những lý do điều chỉnh đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 43 Luật Đầu tư công;

c) Tổ chức thẩm định nội bộ việc điều chỉnh dự án đầu tư công;

d) Hoàn chỉnh báo cáo đề xuất điều chỉnh dự án đầu tư công trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh.

4. Trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án đầu tư công nhóm A, B, C:

a) Trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án không có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Đầu tư công;

b) Trình tự, thủ tục thẩm định, quyết định điều chỉnh dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư, phân bổ dự toán

Đối với trường hợp lập dự án đầu tư, việc lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm (bao gồm cả nguồn vốn dự phòng, tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh) cho các dự án thực hiện theo quy định tại Chương III, Luật Đầu tư công năm 2019 và các quy định khác có liên quan.

Điều 14. Phân cấp về quản lý chất lượng công trình xây dựng

Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thực hiện việc kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình thuộc trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh cho cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình có tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng do các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư.

Điều 15. Quản lý Giá xây dựng công trình và Chỉ số giá xây dựng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Xây dựng thực hiện việc công bố giá các loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Thời gian công bố theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc khảo sát, thu thập thông tin giá các loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn quản lý, định kỳ hàng tháng, hàng quý hoặc khi có biến động lớn gửi Sở Xây dựng để tổng hợp công bố theo quy định.

Điều 16. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc cấp tỉnh quản lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quyết toán đối với dự án hoặc dự án thành phần thuộc cấp huyện quản lý.

b) Đối với dự án còn lại, người quyết định đầu tư là người phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư; ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán đối với các dự án đầu tư cấp tỉnh quản lý chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có tổng mức dưới 5 tỷ đồng (trừ các dự án Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư);

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán đối với các dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách tỉnh (trừ các dự án Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư), vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý; ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt quyết toán đối với các dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách tỉnh, vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, từ nguồn vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có tổng mức dưới 5 tỷ đồng (bao gồm cả các dự án do Giám đốc các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập quyết định đầu tư).

2. Cơ quan thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

a) Đối với các dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành sử dụng vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách tỉnh (trừ các dự án Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư), vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý: Sở Tài chính tổ chức thẩm tra;

b) Đối với các dự án, công trình, hạng mục công trình hoàn thành sử dụng vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của ngân sách huyện, vốn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm tra;

c) Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ban quản lý xã làm chủ đầu tư: Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành;

d) Đối với các dự án còn lại: Người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán giao cho đơn vị có chức năng thuộc quyền quản lý tổ chức thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành trước khi phê duyệt;

đ) Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập tổ công tác thẩm tra để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán; thành phần của tổ công tác thẩm tra quyết toán gồm đại diện của các đơn vị, cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện dự án.

3. Kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành:

a) Các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, nhóm B sử dụng vốn nhà nước khi hoàn thành phải thực hiện kiểm toán quyết toán trước khi trình cấp thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán;

b) Các dự án còn lại thực hiện kiểm toán quyết toán khi có yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Chương III

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Điều 17. Giám sát dự án đầu tư công

1. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án; cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, chủ đầu tư, cơ quan được giao chuẩn bị đầu tư dự án có trách nhiệm thực hiện công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 50 của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Các nội dung về giám sát dự án đầu tư công của từng cơ quan và người có thẩm quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 51, 52, 53, 54 của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

Điều 18. Đánh giá dự án đầu tư công

1. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đánh giá dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 55 của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Nội dung đánh giá dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 73 Luật Đầu tư công năm 2019.

Điều 19. Giám sát đầu tư của cộng đồng

Thực hiện theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật Đầu tư công năm 2019 và các quy định khác có liên quan.

Điều 20. Chế độ báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 100 của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Thời hạn và nội dung báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 11, 12, 13 Điều 100 của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP

ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

3. Các cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư phải bị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 103 của Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án có các thủ tục đã được cấp thẩm quyền thẩm định, quyết định trước ngày Quy định này có hiệu lực và phù hợp với các quy định của pháp luật thì các thủ tục đã được thẩm định, quyết định không phải thực hiện lại. Các công việc tiếp theo được thực hiện theo Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý của mình kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy định này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng).

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc yêu cầu cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, các ngành, các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.